TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 804/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 08 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 673/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ thường trú tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ tạm trú: Số 835/18L Trần Hưng Đạo, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 232 Huỳnh Minh Mương, tổ 7, ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/5/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Huỳnh Tấn H trình bày:

Ông và Bà Huỳnh Thị Thu T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/8/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2016. Sau khi kết hôn, ông bà

thuê nhà ở xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Đến tháng 01 năm 2017 thì bà T sinh con đầu lòng nên đã về nhà cha mẹ bà T ở xã H, huyện C để ở cho đến nay, còn ông vẫn làm việc ở dưới trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh. Từ lúc có con nhỏ, ông bà thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính xuất phát từ việc ông không chịu về ở rể mà bà T cũng không chịu về chung sống ở bên chồng. Ông nhận thấy môi trường sinh hoạt bên gia đình vợ không hợp với bản thân ông, ông không thể thích nghi với cách sinh hoạt bên gia đình của bà T. Ngoài ra, giữa ông và bà T còn có những mẫu thuẫn trong cách nuôi dạy con. Mỗi khi mâu thuẫn xảy ra thì ông chỉ im lặng không nói chuyện với bà T để tránh cãi vã nhau. Sự mâu thuẫn ngày càng kéo dài làm cho ông thấy mệt mỏi và gần như ông đã hết tình cảm với bà T. Ông và bà T đã ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13/01/2017 và Huỳnh Công D, sinh ngày 12/11/2018. Theo ông H thì cách dạy con của bà T và môi trường sinh hoạt bên gia đình bà T là không phù hợp để nuôi dưỡng nhân cách tốt cho các con ông. Bản thân ông làm kế toán tại Công ty TNHH Nhật Trường Vinh có thu nhập ổn định trung bình khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Tuấn A và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Tuấn A và giao trẻ Huỳnh Công D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Công D. Trường hợp bà T không đủ sức khỏe và tài chính để nuôi con thì ông sẽ lo cho cả hai con.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông H trình bày không có.

* Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Bà và Ông Huỳnh Tấn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/8/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2016. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống ở huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống của ông bà cũng hạnh phúc. Mâu thuẫn chỉ phát sinh khi bà sinh con đầu lòng vào năm 2017. Khi sinh con thì bà chuyển về gia đình bên cha mẹ ruột của bà để nhờ ba mẹ chăm sóc. Khi bà sinh con thì ông H vẫn đi làm ở dưới trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, ông H không mấy quan tâm đến vợ con, toàn bộ việc chăm lo cho tôi và con đều do bên gia đình tôi lo. Sau đó tôi tôi mang thai đứa con thứ hai, thì ông H vẫn vô tâm như vậy, không có quan tâm gì đến mấy mẹ con tôi, trong khi đó ông H lại có cách quan tâm chăm sóc nhiệt tình đối với các cháu phía bên ông H.Từ khi sinh con đến nay, tôi cũng nhận được sự quan tâm của bên gia đình nhà ông H.Tôi nhận thấy bản thân mệt mỏi, tủi thân, bà và ông H cũng đã ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13/01/2017 và Huỳnh Công D, sinh ngày 12/11/2018. Lâu nay, bà với sự hỗ trợ của gia đình bà đã trực tiếp chăm lo cho các con từ miếng ăn giấc ngủ cho các con từ bé đến lớn, còn bản thân ông H là một người chồng, một người cha thì chỉ có mua sữa cho con thôi, ngoài ra ông không có quan tâm gì đến các con. Bản thân bà trước đây làm kế toán, nhưng để lo chu toàn cho các con thì bà đã phải bỏ việc để ở nhà lo cho hai con. Nay khi con lớn là Huỳnh Tuấn A được ba tuổi thì ông H đòi dẫn bé đi. Bà không đồng ý giao con tên Huỳnh Tuấn A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là Huỳnh Tuấn A và Huỳnh Công D. Bà mới xin đi làm kế toán lại tại Công ty TNHH Nam Á Logistics nên cũng có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, cùng với sự hỗ trợ của gia đình bà sẽ chăm lo cho các con tốt. Bà yêu cầu ông H thương con thì cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/trẻ, cấp dưỡng nuôi hai con một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T trình bày không có.

* Tại phiên tòa*:*

- Ông H trình bày: Ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Tuấn A và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Tuấn A và giao trẻ Huỳnh Công D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Công D; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có.

- Bà T trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông H; yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con tên Huỳnh Tuấn A và Huỳnh Công D và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là mỗi trẻ là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các con trưởng thành; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/5/2020, Ông Huỳnh Tấn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho ông ly hôn với Bà Huỳnh Thị Thu T hiện đang cư trú tại: Số 232 Huỳnh Minh Mương, tổ 7, ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại thời điểm mở phiên tòa, các đương sự có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Tấn H và Bà Huỳnh Thị Thu T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2016 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, hai bên xác định cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Nguyên nhân do do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sinh hoạt, cách cư xử của cả ông H và bà T. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã vận động hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và bà T cũng đã đồng ý. Đây là sự tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và bà T là phù hợp.

[4] Về con chung: Theo trích lục khai sinh số 34/TLKS-BS ngày 19/01/2017 và trích lục khai sinh số 734/2018/TLKS-BS ngày 19/11/2018 thể hiện giữa ông H và bà T có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13/01/2017 và Huỳnh Công D, sinh ngày 12/11/2018. Ông H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Huỳnh Tuấn A, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Tuấn A, giao bà T trực tiếp nuôi con tên Huỳnh Công D, ông không cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Công D. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con Huỳnh Tuấn A và Huỳnh Công D, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/trẻ, cấp dưỡng nuôi hai con một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Xét thấy phần trình bày của ông H về việc cách dạy con của bà T và môi trường sinh hoạt bên gia đình bà T là không phù hợp để nuôi dưỡng nhân cách tốt cho các con ông, xét thấy phần trình bày này của ông H không được bà bà T thừa nhận. Ngoài ra lời trình bày của ông H, ông H cũng không có đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh cho phần trình bày của mình là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án*" nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Xét thấy hai trẻ còn quá nhỏ, từ bé đã chung sống ổn định với bà T, để chăm sóc cho các con được tốt thì bản thân bà T đã phải bỏ công việc kế toán để toàn tâm toàn ý chăm lo cho các con khi còn quá nhỏ, vì vậy tình cảm của các con rất gắn bó với mẹ. Bản thân ông H có việc làm tại Công ty TNHH Nhật Trường Vinh có thu nhập ổn định trung bình khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng nhưng thường xuyên làm việc dưới trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh nên ít có điều kiện trực tiếp chăm sóc cho hai trẻ. Bà T mới xin đi làm kế toán lại ở Công ty TNHH Nam Á Logistics nên cũng có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng để lo cho cuộc sống. Mặc khác, bà T đang chung sống với cha mẹ của bà T, từ khi hai trẻ được sinh ra đã có được sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà ngoại nên nay dù bà T có đi làm thì cũng đã có sự hỗ trợ của ông bà

ngoại để chăm sóc cho hai cháu. Hai trẻ cùng bà T đang chung sống với ba mẹ tại nhà của ba mẹ tại: Số 232 Huỳnh Minh Mương, tổ 7, ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, còn bản thân ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, ông H hiện đang thuê nhà tạm tại: Số 835/18L Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại hai trẻ đều dưới 7 tuổi còn quá nhỏ, hai anh em từ bé đã sống gắn bó với nhau; xét về hoàn cảnh và điều kiện chăm sóc trẻ thì Hội đồng xét xử nhận thấy bà T có điều kiện chăm sóc cho các con sẽ tốt hơn. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung tên Huỳnh Tuấn A và Huỳnh Công D cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tcó yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/trẻ, cấp dưỡng nuôi hai con một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi con chung lần lược tròn 18 tuổi. Xét thấy, hai bé còn quá nhỏ cần nhiều khoản chi tiêu như tiền tiền sữa, tiền gửi trẻ học mẫu giáo; trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận bản thân làm kế toán với thu nhập trung bình khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Với mức thu nhập như ông H thừa nhận thì mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đưa ra là chưa phù hợp, bởi lẽ ông H còn phải chịu chi phí thuê nhà và các chi phí sinh hoạt khác trong nội thành là cao nên chỉ buộc ông H cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Ông H và bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông H và bà T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc Ông Huỳnh Tấn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Tấn H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Huỳnh Tấn H và Bà Huỳnh Thị Thu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2016 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2016 cho Ông Huỳnh Tấn H và Bà Huỳnh Thị Thu T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13/01/2017 và Huỳnh Công D, sinh ngày 12/11/2018.

Bà Tđược quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; ông H cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng/trẻ, cho đến khi 02 trẻ Huỳnh Tuấn A và Huỳnh Công D lần lượt tròn 18 tuổi. Thi hành ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trang có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả cho bà Trang tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trí.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Ông Huỳnh Tấn H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án

phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084141 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Ông Huỳnh Tấn H phải chịu.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo